

Số: /KH-BV

Tuyên Quang, ngày tháng 04 năm 2024

KẾ HOẠCH

Hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15, hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Bản công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 58/CV-ĐT&CDT ngày 21 tháng 01 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Văn bản số 573/SYT-NVYD ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang về việc thông báo cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang;

Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang xây dựng Kế hoạch Hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Trang bị các kiến thức chuyên môn cơ bản cho bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, dược sĩ đi thực hành cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Trang bị kiến thức về kỹ năng giao tiếp, ứng xử giữa cán bộ y tế với đồng nghiệp; cán bộ y tế với người bệnh và người nhà người bệnh.

- Hướng dẫn cách thức tổ chức, quy trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của cán bộ y tế có giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

2. Yêu cầu:

- Người thực hành được thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp trên người bệnh, thực hành việc kê đơn thuốc dưới sự giám sát của

người hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành và phải đảm bảo hoàn thành đầy đủ các nội dung và thời gian thực hành.

- Phân công người hướng dẫn thực hành phải đảm bảo phù hợp về chuyên môn, năng lực của người hướng dẫn thực hành.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Tất cả các bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, dược sĩ chưa có giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

III. NGUYÊN TẮC THỰC HÀNH

- Người thực hành được thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp trên người bệnh, thực hành việc kê đơn thuốc dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành (Người hướng dẫn thực hành đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản Mục a, khoản 4 Điều 7 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP).

- Trong thời gian thực hành, người hướng dẫn thực hành phải lồng ghép nội dung hướng dẫn về các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

- Người thực hành tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành. Người thực hành phải bảo đảm hoàn thành đầy đủ nội dung thực hành và bảo đảm đủ thời gian thực hành là 12 tháng. Trong quá trình thực hành vì lý do sức khỏe hoặc trường hợp bất khả kháng, người thực hành được tạm dừng thực hành trong thời gian tối đa 12 tháng và được bảo lưu kết quả thực hành trước đó.

IV. NỘI DUNG

1. Thực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với bác sĩ y khoa

1.1. Đối tượng áp dụng: Bác sĩ y khoa, bác sĩ đa khoa

1.2. Nội dung thực hành: Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng được phân bổ như sau:

STT	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Khoa Cấp cứu và khoa Hồi sức tích cực - chống độc	03 tháng
2	Các khoa khối Nội: Nội Tổng hợp, Nội Tiêu hóa, Nội Tim mạch, Nội Thận khớp, Nội A	03 tháng
3	Các khoa khối Ngoại: Ngoại Tổng hợp, Ngoại Thận - Tiết niệu, Ngoại Chấn thương - Chỉnh hình, Ngoại Thần kinh	03 tháng
4	Khoa Nhi	01 tháng

5	Khoa Phụ Sản	01 tháng
6	Các khoa khác: Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Mắt, Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, Da liễu, Y học cổ truyền (người thực hành đi thực hành ít nhất 2 khoa)	01 tháng
	Tổng cộng	12 tháng

2. Thực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với bác sĩ y học cổ truyền

2.1. Đối tượng áp dụng: Bác sĩ y học cổ truyền

2.2. Nội dung thực hành: Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng được phân bổ như sau:

STT	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Khoa Cấp cứu và khoa Hồi sức tích cực - chống độc	03 tháng
2	Khoa Y học cổ truyền	08 tháng
3	Khoa Dược	01 tháng
	Tổng cộng	12 tháng

3. Thực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với bác sĩ răng hàm mặt

3.1. Đối tượng áp dụng: Bác sĩ răng hàm mặt

3.2. Nội dung thực hành: Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng được phân bổ như sau:

STT	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Khoa Cấp cứu và khoa Hồi sức tích cực - chống độc	03 tháng
2	Khoa Răng Hàm Mặt	09 tháng
	Tổng cộng	12 tháng

4. Thực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với y sĩ đa khoa

4.1. Đối tượng áp dụng: Y sĩ đa khoa

4.2. Nội dung thực hành: Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 09 tháng được phân bổ như sau:

STT	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Khoa Cấp cứu và khoa Hồi sức tích cực - chống độc	03 tháng

2	Khoa Nội Tổng hợp	01 tháng
3	Các khoa khối Ngoại: Ngoại Tổng hợp, Ngoại Thận - Tiết niệu, Ngoại Chấn thương - Chỉnh hình, Ngoại Thần kinh	02 tháng
4	Khoa Nhi	01 tháng
5	Khoa Phụ Sản	01 tháng
6	Các khoa khác: Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Mắt, Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng, Da liễu, Y học cổ truyền (người thực hành đi thực hành ít nhất 2 khoa)	01 tháng
	Tổng cộng	09 tháng

5. Thực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với y sĩ y học cổ truyền

5.1. Đối tượng áp dụng: Y sĩ y học cổ truyền

5.2. Nội dung thực hành: Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 09 tháng được phân bổ như sau:

STT	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Khoa Cấp cứu và khoa Hồi sức tích cực - chống độc	03 tháng
2	Khoa Y học cổ truyền	05 tháng
3	Khoa Dược	01 tháng
	Tổng cộng	09 tháng

6. Thực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với điều dưỡng

6.1. Đối tượng áp dụng: Điều dưỡng

6.2. Nội dung thực hành: Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 06 tháng được phân bổ như sau:

STT	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Khoa Cấp cứu; khoa Hồi sức tích cực - chống độc	01 tháng
2	Người thực hành đi thực hành tại một hoặc một số khoa: Nội Tổng hợp, Nội Tiêu hóa, Nội Tim mạch, Nội Thận khớp, Nội A, Ngoại Tổng hợp, Ngoại Thận - Tiết niệu, Ngoại Chấn thương - Chỉnh hình, Ngoại Thần kinh, Phụ sản, Nhi	05 tháng
	Tổng cộng	06 tháng

7. Thực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với hộ sinh

7.1. Đối tượng áp dụng: Hộ sinh

7.2. Nội dung thực hành: Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 06 tháng được phân bổ như sau:

STT	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Khoa Cấp cứu; khoa Hồi sức tích cực - chống độc	01 tháng
2	Khoa Phụ sản	05 tháng
	Tổng cộng	06 tháng

8. Thực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật hình ảnh y học

8.1. Đối tượng áp dụng: Kỹ thuật hình ảnh y học

8.2. Nội dung thực hành: Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 06 tháng được phân bổ như sau:

STT	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Khoa Cấp cứu; khoa Hồi sức tích cực - chống độc	01 tháng
2	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	05 tháng
	Tổng cộng	06 tháng

9. Thực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật xét nghiệm y học

9.1. Đối tượng áp dụng: Kỹ thuật xét nghiệm y học

9.2. Nội dung thực hành: Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 06 tháng được phân bổ như sau:

STT	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Khoa Cấp cứu; khoa Hồi sức tích cực - chống độc	01 tháng
2	Khoa Huyết học - Truyền máu	02 tháng
3	Khoa Hóa sinh - Vi sinh	02 tháng
4	Khoa Giải phẫu bệnh - Tế bào	01 tháng
	Tổng cộng	06 tháng

10. Thực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật phục hồi chức năng

10.1. Đối tượng áp dụng: Kỹ thuật phục hồi chức năng

10.2. Nội dung thực hành: Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 06 tháng được phân bổ như sau:

STT	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Khoa Cấp cứu	01 tháng
2	Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	05 tháng
	Tổng cộng	06 tháng

11. Thực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật phục hình răng

11.1. Đối tượng áp dụng: Kỹ thuật phục hình răng

11.2. Nội dung thực hành: Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 06 tháng được phân bổ như sau:

STT	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Khoa Cấp cứu	01 tháng
2	Khoa Răng Hàm Mặt	05 tháng
	Tổng cộng	06 tháng

12. Thực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa

12.1. Đối tượng áp dụng: Kỹ thuật khúc xạ nhãn khoa

12.2. Nội dung thực hành: Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 06 tháng được phân bổ như sau:

STT	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Khoa Cấp cứu	01 tháng
2	Khoa Mắt	05 tháng
	Tổng cộng	06 tháng

13. Thực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với dược sĩ

13.1. Đối tượng áp dụng: Dược sĩ

13.2. Nội dung thực hành

STT	Văn bằng chuyên môn, nội dung thực hành	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành
1	Dược sĩ trung cấp, cao đẳng, đại học thực hành chuyên môn về Dược của quây thuốc	Khoa Dược	12 tháng
2	Dược sĩ đại học thực hành chuyên môn về Dược của Nhà thuốc	Khoa Dược	18 tháng

V. CHI PHÍ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH: Thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.

VI. QUY TRÌNH THỰC HIỆN

Bước 1: Người thực hành nộp Đơn đề nghị thực hành tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (*Phụ lục 01*) và bản sao công chứng các loại giấy tờ như: văn bằng tốt nghiệp, căn cước công dân và 03 ảnh 3x4 tại Phòng Đào tạo - Chỉ đạo tuyển, Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.

Bước 2: Sau khi nhận được Đơn đề nghị thực hành, nếu đồng ý tiếp nhận, Phòng Đào tạo - Chỉ đạo tuyển:

- Lên lịch thực hành; Hợp đồng thực hành khám bệnh chữa bệnh; Giấy đề nghị tiếp nhận học viên (*Phụ lục 02*); Quyết định phân công hướng dẫn thực hành (*Phụ lục 03*) trình Giám đốc ký duyệt (*Danh sách người hướng dẫn thực hành - Phụ lục 08, trích dẫn Phụ lục 02, Bản công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 58/CV-ĐT&CDT, ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang*).

- Gửi văn bản đăng ký danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh (*Phụ lục 04*) về Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang.

- Đăng tải danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.

Bước 3: Hướng dẫn thực hành tại các khoa

Bước 4: Nhận xét kết quả thực hành

Người thực hành làm bản thu hoạch nộp cho phòng Đào tạo - Chỉ đạo tuyển và người hướng dẫn thực hành.

Người hướng dẫn thực hành đánh giá, nhận xét quá trình thực hành của người thực hành theo từng nội dung quy định trong Mẫu Phiếu đánh giá nhận xét quá trình thực hành (*Phụ lục 05*). Việc đánh giá, nhận xét phải được thực hiện ngay sau khi người thực hành hoàn thành từng nội dung thực hành. Người hướng dẫn thực hành hướng dẫn nội dung nào thì phải nhận xét theo nội dung đó.

Bước 5: Cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành

- Sau khi người thực hành hoàn thành xong quá trình thực hành, Phòng Đào tạo - Chỉ đạo tuyển căn cứ Phiếu đánh giá, nhận xét quá trình thực hành của

người hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp đồng của người thực hành, soạn Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành (*Phụ lục 06*) trình Giám đốc Bệnh viện ký và cấp cho người thực hành.

- Gửi danh sách người thực hành được cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành (*Phụ lục 07*) về Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang.

- Đăng tải danh sách người thực hành được cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.

VII. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của người thực hành

- Tuân thủ nội quy, quy chế của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.
- Tuân thủ quy định, quy chế chuyên môn của Bệnh viện đa khoa tỉnh và tuân theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.
- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Nộp đầy đủ chi phí thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo thỏa thuận trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với cơ sở hướng dẫn thực hành.
- Người thực hành không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép.
- Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, nếu người thực hành để xảy ra thiệt hại cho Bệnh viện trong quá trình thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Mức bồi thường thiệt hại do Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang và người thực hành tự thỏa thuận.

2. Trách nhiệm của người hướng dẫn thực hành

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của Giám đốc Bệnh viện.
- Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn hoặc có lý do chính đáng khác, người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành.
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh do lỗi của người thực hành.
- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của người thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai, thực hiện Hướng dẫn này. Các Khoa, Phòng có trách nhiệm phối hợp thực hiện công tác hướng dẫn thực hành thuộc lĩnh vực phụ trách.

2. Ban Giám đốc Bệnh viện, Trưởng các Khoa, Phòng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo Hướng dẫn này trong phạm vi phụ trách.

Trên đây là Kế hoạch Hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang. Đề nghị các cá nhân, Khoa, Phòng nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo (c/đ);
- Các khoa, phòng liên quan(t/h);
- Các cán bộ có tên (t/h);
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, ĐT&CĐT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hưng Đạo

Phụ lục 01
Đơn đề nghị thực hành tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
(Ban hành Kèm theo Kế hoạch số 43 /KH-BV, ngày 15 tháng 04 năm 2024
của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thực hành tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

- Kính gửi:** - Ban giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang
- Phòng Đào tạo và Chỉ đạo tuyến
- Lãnh đạo Khoa/Phòng.....

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Căn cước công dân:.....

Ngày cấp.....Nơi cấp:

Địa chỉ cư trú:

.....

Điện thoại:..... Email (nếu có):

Văn bằng chuyên môn:

Thời gian và địa điểm đăng ký thực hành:.....

.....

Để có đủ điều kiện được cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, tôi đề nghịcho phép và tạo điều kiện cho tôi được thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Tôi xin cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thực hành khám bệnh, chữa bệnh và các quy định khác có liên quan của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(ký, ghi rõ họ, tên)

Phụ lục 02

Mẫu Giấy đề nghị tiếp nhận học viên

(Ban hành Kèm theo Kế hoạch số 43 /KH-BV, ngày 15 tháng 04 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang)

**SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ TIẾP NHẬN HỌC VIÊN

Kính gửi: Lãnh đạo khoa:

Họ tên học viên:Giới tính:

Ngày sinh:

Trình độ:

Địa chỉ thường trú:.....

Cơ quan công tác (nếu có):.....

Điện thoại: :.....

Tổng số thời gian học:.....

Địa điểm đăng ký học tại khoa:.....

Nội dung học:

Phòng Đào tạo và Chỉ đạo tuyển đã hoàn tất thủ tục nhập học, vậy kính đề nghị tạo điều kiện và cử người hướng dẫn, giúp đỡ học viên thực hành tại khoa.

....., ngàytháng năm

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 03
Quyết định phân công người hướng dẫn thực hành
(Ban hành Kèm theo Kế hoạch số 43 /KH-BV, ngày 15 tháng 04 năm 2024
của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang)

SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-BV

....., ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân công người hướng dẫn thực hành

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ.....¹.....

Xét đơn đề nghị của.....².....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiếp nhận ông/bà³....., sinh ngày tháng ... năm, có văn bằng chuyên môn được thực hành tại⁴..... trong thời gian từ ngày.... tháng ... năm đến ngày....tháng... năm.....

Điều 2. Phân công ông/bà⁵....., chứng chỉ hành nghề số:.....⁶..... chịu trách nhiệm chính để hướng dẫn thực hành cho ông/bà³..... trong thời gian quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các ông/bà có tên tại Điều 1, Điều 2 và⁷..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

¹Căn cứ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ sở.

²Ghi rõ chức danh của người đứng đầu đơn vị hoặc bộ phận được giao đầu mối về đào tạo thực hành.

³Ghi rõ họ tên người đăng ký thực hành.

⁴Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

⁵Ghi rõ họ tên của người hướng dẫn thực hành chính.

⁶Ghi rõ trình độ đào tạo, trình độ chuyên môn theo văn bằng của người hướng dẫn thực hành chính.

⁷Ghi cụ thể các cá nhân, đơn vị có liên quan (nếu cần).

Phụ lục 04
Danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh
(Ban hành Kèm theo Kế hoạch số 43 /KH-BV, ngày 15 tháng 04 năm 2024
của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Người thực hành khám bệnh, chữa bệnh

1. Tên cơ sở hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh:
2. Địa chỉ:
3. Danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh:

STT	Họ và tên	Thời gian đăng ký thực hành tại cơ sở thực hành¹
1		
2		
...		

....., ngày tháng ... năm ...

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

¹ Ghi cụ thể thời gian thực hành từ ngày... tháng... năm.... đến ngày.... tháng....năm.

Phụ lục 06

Mẫu Giấy xác nhận quá trình thực hành

(Ban hành Kèm theo Kế hoạch số 43 /KH-BV, ngày 15 tháng 04 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang)

**SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số :/GXNTH

Tuyên Quang, ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang xác nhận:

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Địa chỉ cư trú:

Số chứng minh nhân dân/số căn cước công dân/số căn cước/số định danh cá nhân/số hộ chiếu¹:.....

Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Văn bằng chuyên môn:.....².....Năm tốt nghiệp:.....

Đã thực hành tại:.....³.....do.....

.....⁴.....hướng dẫn và đạt kết quả như sau:

1. Thời gian thực hành:

2. Năng lực chuyên môn:⁵

3. Đạo đức nghề nghiệp:⁶

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ HƯỚNG DẪN
THỰC HÀNH⁷**

¹ Ghi một trong năm thông tin về số chứng minh nhân dân/số căn cước công dân/số căn cước/số định danh cá nhân/số hộ chiếu còn hạn sử dụng.

² Ghi rõ theo văn bằng, chuyên môn theo văn bằng đào tạo.

³ Ghi rõ tên bộ phận chuyên môn đã thực hành.

⁴ Họ và tên người chịu trách nhiệm chính trong việc hướng dẫn thực hành.

⁵ Nhận xét cụ thể về khả năng khám bệnh, chữa bệnh theo chuyên khoa đăng ký thực hành.

⁶ Nhận xét cụ thể về giao tiếp, ứng xử của người đăng ký thực hành đối với đồng nghiệp và người bệnh.

⁷ Người đứng đầu hoặc người được người đứng đầu ủy quyền ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu.

Phụ lục 07

(Ban hành Kèm theo Kế hoạch số 43 /KH-BV, ngày 15 tháng 04 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
NGƯỜI THỰC HÀNH ĐƯỢC CẤP
GIẤY XÁC NHẬN HOÀN THÀNH QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH
Tháng.....

1. Tên cơ sở hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh:

2. Địa chỉ:

3. Danh sách người thực hành được cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành:

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Thời gian thực hành
1				
2				
3				
...				

....., ngày tháng ... năm ...

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 08

(Ban hành Kèm theo Kế hoạch số 43 /KH-BV, ngày 15 tháng 04 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang)

DANH SÁCH CÁN BỘ Y TẾ TẠI CÁC KHOA LÂM SÀNG, CẬN LÂM SÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Trích dẫn Phụ lục 02, Bản công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 58/CV-ĐT&CDT ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
I	Khoa Cấp cứu						30
1	Đào Ngọc Việt	Bác sĩ CKII	Nội/ Hồi sức cấp cứu	0001161/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội/ Hồi sức cấp cứu	28	20
2	Phan Tuấn Vũ	Bác sĩ CKI	Hồi sức cấp cứu	002933/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa/ Hồi sức cấp cứu	10	
3	Nguyễn Thị Trang	Bác sĩ	Đa khoa	004007/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	5	
4	Nông Văn Thời	Bác sĩ	Đa khoa	004131/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	4	
5	Nguyễn Thị Hào	Đại học	Điều dưỡng	000532/TQ-CCHN	Điều dưỡng	15	10

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
6	Bùi Khánh Ly	Đại học	Điều dưỡng	0001767/TQ-CCHN	Điều dưỡng	18	
II	Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc						25
1	Nguyễn Anh Tuấn	Bác sĩ CKII	Nội/ Hồi sức cấp cứu	000148/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội/ Hồi sức cấp cứu	30	15
2	Nguyễn Thế Hùng	Bác sĩ CKI	Nội/ Hồi sức cấp cứu	0001796/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội/ Hồi sức cấp cứu	23	
3	Lê Huyền Phương	Bác sĩ định hướng	Hồi sức cấp cứu	003318/TQ-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	6	
4	Ngô Thị Thanh Nhân	Đại học	Điều dưỡng	000645/TQ-CCHN	Điều dưỡng	15	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
5	Nguyễn Trung Tráng	Đại học	Điều dưỡng	000856/TQ-CCHN	Điều dưỡng	14	
III	Khoa Nội Tổng hợp						30
1	Đoàn Thị Thúy Tinh	Bác sĩ CKII	Nội khoa	000738/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa/Chuyên khoa Nội	20	20
2	Lê Kim Việt	Thạc sĩ bác sĩ	Nội khoa	000104/TQ-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội/Chuyên khoa Tâm thần	31	
3	Hà Quang Diễm	Bác sĩ định hướng	Nội khoa	003152/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa/Chuyên khoa Nội	8	
4	Nguyễn Thị Niềm	Bác sĩ định hướng	Nội khoa	002887/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa/Chuyên khoa Nội	8	
5	Đỗ Thị Man	Đại học	Điều dưỡng	000614/TQ-CCHN	Điều dưỡng	14	10
6	Quan Thị Hà	Đại học	Điều dưỡng	000591/TQ-CCHN	Điều dưỡng	18	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
IV	Khoa Nội Tim mạch						25
1	Trần Thị Ái Xuân	Thạc sĩ bác sĩ	Nội khoa	000193/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	21	15
2	Phạm Ngọc Tân	Thạc sĩ bác sĩ	Nội tim mạch	000849/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/ Nội tim mạch	16	
3	Khổng Thị Việt	Bác sĩ CKI	Nội khoa	000085/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	30	
4	Vũ Thị Chinh	Đại học	Điều dưỡng	000724/TQ-CCHN	Điều dưỡng	13 năm	10
5	Nguyễn Văn Chiến	Đại học	Điều dưỡng	003191/TQ-CCHN	Điều dưỡng	8 năm	
V	Khoa Nội A						15
1	Bùi Thị Thu Hương	Bác sĩ CKI	Đa khoa	000841/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	15	10

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
2	Bùi Đức Tuấn	Thạc sĩ bác sĩ	Nội khoa	002768/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa/ Chuyên khoa Nội	11	
3	Nịnh T. Minh Nguyệt	Đại học	Điều dưỡng	000627/TQ-CCHN	Điều dưỡng	20	5
VI	Khoa Nội Tiêu hóa						20
1	Ngô Quang Chiến	Bác sĩ CKII	Nội khoa	000876/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	19	10
2	Chu Văn Tuấn	Bác sĩ CKI	Nội khoa	0001639/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Đa khoa/ Chuyên khoa Nội/ Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng; Nội soi Hậu môn - Trực tràng - Đại tràng; Điện tâm đồ	17	
3	Nguyễn Thị Tư	Đại học	Điều dưỡng	0001513/TQ-CCHN	Điều dưỡng	14	10
4	Nguyễn Thị Thu	Đại học	Điều dưỡng	000658/HAG-CCHN	Điều dưỡng	16	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
VII	Khoa Nội Thận khớp						20
1	Lý Thị Thơ	Bác sĩ CKII	Nội khoa	000748/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/ Nội, Siêu âm tim, siêu âm tổng quát	12	15
2	Nguyễn Văn Long	Bác sĩ CKI	Nội khoa	002830/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	16	
3	Dương Thu Hà	Bác sĩ CKI	Nội khoa	004584/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	11	
4	Nguyễn Đình Phúc	Đại học	Điều dưỡng	000684/TQ-CCHN	Điều dưỡng	17	5
VIII	Khoa Ngoại Tổng hợp						25
1	Phạm Thanh Thịnh	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	002842/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	21	15
2	Hoàng Minh Đức	Thạc sĩ bác sĩ	Ngoại khoa	002869/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	11	
3	Lê Anh Tuấn	Thạc sĩ bác sĩ	Ngoại khoa	002860/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	10	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
4	Đinh Thị Thu Hương	Thạc sĩ	Điều dưỡng	000539/TQ-CCHN	Điều dưỡng	30	10
5	Châu Thị Huyền	Đại học	Điều dưỡng	000613/TQ-CCHN	Điều dưỡng	13	
IX	Khoa Ngoại thận - Tiết niệu						25
1	Ma Ngọc Ba	Thạc sĩ bác sĩ	Ngoại khoa	000611/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	20	15
2	Ma Đình Đức	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	002893/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	10	
3	Lê Quang Huy	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	003374/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	9	
4	Đào Thị Ngọc	Đại học	Điều dưỡng	000609/TQ-CCHN	Điều dưỡng	22	10
5	Hoàng Bích Lụa	Đại học	Điều dưỡng	000496/TQ-CCHN	Điều dưỡng	17	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
X	Khoa Ngoại Thần kinh						20
1	Nguyễn Quang Minh	Bác sĩ CKII	Ngoại khoa	000023/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	28	15
2	Lương Văn Cừ	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	002891/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	12	
3	Âu Trung Khánh	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	002925/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/Chuyên khoa Ngoại	9	
4	Trần Văn Khánh	Đại học	Điều dưỡng	0001726/TQ-CCHN	Điều dưỡng	20	5
XI	Khoa Chấn thương - Chỉnh hình						20
1	Nguyễn Quang Nguyên	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	000548/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	28	10
2	Vương Văn Côn	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	003100/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa/chuyên khoa Ngoại	7	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
3	Trần Tuấn Mạnh	Đại học	Điều dưỡng	0001787/TQ-CCHN	Điều dưỡng	16	10
4	Trương Thanh Tùng	Đại học	Điều dưỡng	002846/TQ-CCHN	Điều dưỡng	17	
XII	Khoa Phụ sản						35
1	Phạm Thị Lan Hương	Bác sĩ CKI	Sản phụ khoa	000020/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, phụ khoa	31	25
2	Lê Minh Hải	Bác sĩ CKII	Sản phụ khoa	000194/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, phụ khoa	21	
3	Phùng Trọng Thủy	Bác sĩ CKII	Sản phụ khoa	000197/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản, phụ khoa	14	
4	Trương Thị Thu Hương	Thạc sĩ bác sĩ	Sản phụ khoa	0001782/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản - phụ - KHHGD	14	
5	Nguyễn Việt Linh	Thạc sĩ bác sĩ	Sản phụ khoa	003413/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản - phụ - KHHGD	7	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
6	Khúc Thị Kim Thanh	Đại học	Hộ sinh	000569/TQ-CCHN	Hộ sinh	20	10
7	Lý Thị Bá Linh	Đại học	Hộ sinh	003734/HAG-CCHN	Hộ sinh	17	
XIII	Khoa Nhi						35
1	Đỗ Thị Thu Giang	Tiến sĩ bác sĩ	Nhi khoa	000888/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	29	25
2	Nguyễn Thị Thu Hương	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	0001640/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa/Chuyên khoa Nhi	16	
3	Đào Việt Thắng	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	000762/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa/Chuyên khoa Nhi	12	
4	Quan Thị Giang	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	000872/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa/Chuyên khoa Nhi	18	
5	Nguyễn Thị Phong	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	003250/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa/Chuyên khoa Nhi	7	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
6	Lương Thị Thu Hằng	Đại học	Điều dưỡng	000616/TQ-CCHN	Điều dưỡng	20	10
7	Phùng Thị Thu	Đại học	Điều dưỡng	000768/TQ-CCHN	Điều dưỡng	18	
XIV	Khoa Ung bướu						45
1	Nguyễn Hồng Sơn	Thạc sĩ bác sĩ	Ngoại khoa	000517/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại/ Chuyên khoa Ung bướu	17	35
2	Trần Thị Oanh	Bác sĩ CKI	Ung bướu	002940/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung Bướu	15	
3	Ma Thị Minh Trang	Thạc sĩ bác sĩ	Ung bướu	000513/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, U bướu	14	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
4	Lê Tiến Thành	Thạc sĩ bác sĩ	Ngoại khoa	002850/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại; Khám chữa bệnh chuyên khoa Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ	11	
5	Đào Văn Đại	Bác sĩ định hướng	Ung bướu	002946/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa/ Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	9	
6	Hà Đình Huy	Bác sĩ định hướng	Ung bướu	003412/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa/ Chuyên khoa Ngoại	7	
7	Hoàng Thảo Nguyên	Bác sĩ định hướng	Ung bướu	003690/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	5	
8	Ma Thị Thương	Đại học	Điều dưỡng	000520/TQ-CCHN	Điều dưỡng	17	
9	Ven Ngọc Hải	Đại học	Điều dưỡng	000516/TQ-CCHN	Điều dưỡng	14	10

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
XV	Khoa Da liễu						25
1	Nguyễn Thị Minh	Bác sĩ CKII	Da liễu	000048/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh da liễu	28	15
2	Ma Vân Anh	Bác sĩ định hướng	Da liễu	003876/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh da liễu	5	
3	Nguyễn Nhật Long	Bác sĩ định hướng	Da liễu	003424/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh da liễu	4	
4	Nguyễn Thị Giang	Đại học	Điều dưỡng	000832/TQ-CCHN	Điều dưỡng	15	10
5	Nguyễn Thị Thắm	Đại học	Điều dưỡng	000732/TQ-CCHN	Điều dưỡng	15	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
XVI	Khoa Thần kinh - Tâm thần						15
1	Lê Thị Lý	Bác sĩ CKI	Nội thần kinh	003169/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa/ Nội thần kinh	8	10
2	Vũ Xuân Nam	Bác sĩ CKI	Nội Tâm thần	0001604/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tâm thần	23	
3	Trần Thị Nhàn	Đại học	Điều dưỡng	0001521/TQ-CCHN	Điều dưỡng	15	5
XVII	Khoa Truyền nhiễm						15
1	Nguyễn Tiến Quân	Bác sĩ CKI	Hồi sức cấp cứu	0001795/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	18	10
2	Châu Văn Tịch	Bác sĩ CKI	Nội khoa	0001743/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	19	
3	Phúc Thị Lan Hương	Đại học	Điều dưỡng	003524/TQ-CCHN	Điều dưỡng	18	5

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
XVIII	Khoa Tai Mũi Họng						15
1	Vũ Đăng Khoa	Thạc sĩ bác sĩ	Tai mũi họng	0001659/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	19	10
2	Nguyễn Bắc Hải	Thạc sĩ bác sĩ	Tai mũi họng	000057/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	15	
3	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Đại học	Điều dưỡng	000589/TQ-CCHN	Điều dưỡng	19	5
XIX	Khoa Mắt						15
1	Đặng Ngọc Hoàng	Thạc sĩ bác sĩ	Mắt	000652/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	21	10
2	Châu Thanh Thúy	Bác sĩ CKI	Mắt	002947/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	10	
3	Nguyễn Thị Thu Trang	Đại học	Điều dưỡng	000659/TQ-CCHN	Điều dưỡng	20	5

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
XX	Khoa Răng Hàm Mặt						15
1	Bùi Ngọc Dương	Bác sĩ CKII	Răng hàm mặt	000001/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	21	10
2	Vương Ngọc Thìn	Thạc sĩ bác sĩ	Răng hàm mặt	003013/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	12	
3	Đỗ Duy Hiếu	Đại học	Điều dưỡng	000679/TQ-CCHN	Điều dưỡng	14	5
XVI	Khoa VLTL -PHCN						20
1	Nguyễn Thành Tuyên	Thạc sĩ bác sĩ	PHCN	000576/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh thuộc hệ Nội Nhi, PHCN	23	15

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
2	Trần Thanh Nga	Bác sĩ định hướng	PHCN	0001775/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học dân tộc; Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng	18	
3	Châu Thị Hương	Bác sĩ định hướng	PHCN	003401/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng	7	
4	Trần Công Khởi	Đại học	Kỹ thuật viên	0001778/TQ-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng Vật lý trị liệu PHCN	19	5
XXII	Khoa Y học cổ truyền						25
1	Trần Quang Tuấn	Bác sĩ Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	0001753/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; Nội khoa-Y học cổ truyền	20	20
2	Đỗ Lan Anh	Bác sĩ Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	000838/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền/PHCN	23	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
3	Dương Thu Trang	Bác sĩ Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	003080/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	7	
4	Vũ Văn Chuyên	Bác sĩ Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	002896/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền/Phục hồi chức năng	9	
5	Lê Thị Phương Thảo	Đại học	Điều dưỡng	0001408/TQ-CCHN	Điều dưỡng Y học cổ truyền	15	5
XXIII	Chẩn đoán hình ảnh						20
1	Ma Hoàng Mậu	Thạc sĩ Bác sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	000212/TQ-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	25	20
2	Đỗ Minh Hải	Bác sĩ CKI	Chẩn đoán hình ảnh	000076/TQ-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	19	
3	Trần Đăng Thu	Đại học	Kỹ thuật viên	000639/TQ-CCHN	KTV Chẩn đoán hình ảnh	18	
4	Bùi Đức Lương	Đại học	Kỹ thuật viên	002811/TQ-CCHN	KTV Chẩn đoán hình ảnh	9	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/ nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
XXIV	Huyết học - Truyền máu						20
1	Luu Duy Đàn	Bác sĩ CKI	Xét nghiệm	0001168/TQ-CCHN	Khám chữa bệnh Nội khoa - Chuyên khoa Xét nghiệm	24	20
2	Trần Thị Bích Thủy	Bác sĩ CKI	Xét nghiệm	0001532/TQ-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm/ Chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	14	
3	Nguyễn Thị Thu Trang	Đại học	Xét nghiệm	003005/TQ-CCHN	Kỹ thuật viên Xét nghiệm	15	
4	Lương Thị Nghĩa Hằng	Đại học	Xét nghiệm	000742/TQ-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	12	
XXV	Hóa sinh - Vi sinh						20
1	Phạm Thị Ánh Tuyết	Thạc sĩ bác sĩ	Xét nghiệm	000078/TQ-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	21	20

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
2	Lương Thị Ninh	Bác sĩ	Xét nghiệm	002872/TQ-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm vi sinh	8	
3	Nguyễn Mạnh Hà	Đại học	Xét nghiệm	000783/TQ-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	30	
4	Lê Thanh Loan	Đại học	Xét nghiệm	000771/TQ-CCHN	Kỹ thuật viên Xét nghiệm	15	
XXVI	Giải phẫu bệnh - Tế bào						
1	Hoàng Tân Ất	Bác sĩ CKI	Xét nghiệm	000746/TQ-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm/ Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	22	20
2	Nguyễn Thị Lan Huệ	Bác sĩ	Giải phẫu bệnh	003433/TQ-CCHN	Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	8	
3	Hà Thị Huyền	Đại học	Điều dưỡng	000745/TQ-CCHN	Điều dưỡng/ thực hiện nhiệm vụ kỹ thuật viên chuyên ngành Giải phẫu bệnh- tế bào	18	

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành /chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
4	Hoàng Văn Minh	Đại học	Kỹ thuật viên	000747/TQ-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	19	
XXVII	Khoa Dược						20
1	Lê Thị Hương	Thạc sĩ	Dược sĩ	000518/TQ-CCHND	Bán lẻ thuốc, dược liệu	18	20
2	Hà Thị Hồng Quyên	CKI	Dược sĩ	000231/TQ-CCHND	Bán lẻ thuốc, dược liệu	14	
3	Vũ Thu Trang	Đại học	Dược sĩ	332/TQ-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Mở quầy thuốc, Đại lý bán lẻ thuốc, bán lẻ thuốc	16	
4	Đào Xuân Trường	Đại học	Dược sĩ	1155/CCHN-D-SYT-TQ	Bán lẻ thuốc, người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược củanhà thuốc	14	

